

âm nộp ngân sách nhà nước 26 triệu đô-la trong thời hạn 10 năm.

Tại Brazil, Tổng thống Fernando Collor de Mello ngay sau khi nhậm chức vào tháng 3/90 đã cho công bố chương trình TNH đầy tham vọng. Theo kế hoạch, chính phủ của ông dự trù bán 0 CTQD chủ chốt, kể cả ngành công nghiệp thép, để thu vào một ngân khoản dự kiến 17 tỷ đô-la với cái giá phải trả là 360.000 công nhân viên nhà nước sẽ làm vào cánh thất nghiệp.

CHÂU Á: tại Pakistan, chính phủ của Thủ tướng Nawas Sharif đã công bố kế hoạch bán 50 trong số 150 công ty công nghiệp quốc doanh. Trước đó, chương trình TNH cũng đã được đề xuất dưới thời tướng Mohammad Zia JI-Haq trong thập niên 80 và cựu Thủ tướng Benazir Bhutto. Chưa chính phủ nào đạt được những yêu cầu đã đề ra. Hiện nay, Nawas Sharif tuyên bố sẽ rao bán số tài sản nhà nước trị giá 30 tỷ đô-la đang trả lương cho một đội ngũ 1,6 triệu công nhân. Tuy nhiên, kế hoạch TNH của ông đang bị sự chống đối của bộ máy thư lại vốn đã ăn sâu trong bộ máy hành chính quản trị các CTQD. Các tổ chức công đoàn cũng đứng về phía chống đối vì lo ngại tình trạng thất nghiệp sẽ xảy ra trên quy mô toàn quốc. Dù sao đi nữa, chính phủ Pakistan cũng đã bán xong Ngân hàng Thương mại Hồi giáo, một trong những ngân hàng lớn nhất nước.

Tại Ấn Độ, chính phủ đã bắt đầu làm thâm bán cổ phần của một vài công ty trong khu vực nhà nước. Mục đích trước mắt: làm nhẹ bớt mức thâm thủng tài chính của liên bang. Tốc độ TNH tại các nước Châu Á được tiến hành tương đối chậm chạp. Chính phủ Campuchia đã cho TNH 12 xí nghiệp quốc doanh, trong đó có 1 đồn điền cao su và một nhà máy sản xuất pin. Sri Lanka đang rao bán 3 khách sạn hạng sang tại Colombo. Hãng hàng không Philippines Airlines thuộc hệ thống công quản Philippine đang được nghiên cứu với giá bán dự kiến từ 400 đến 500 triệu đô-la, trong cuộc rao bán này, các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua 35% cổ phần.

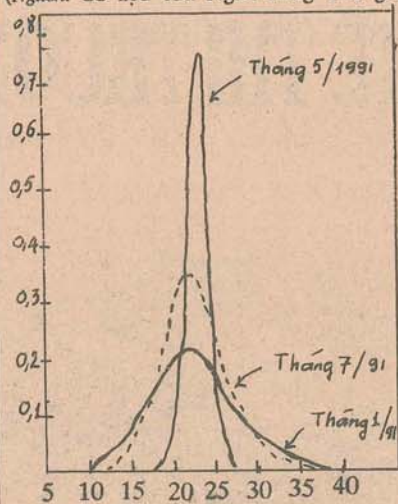
TNH là một tiến trình tương đối bấp bênh và đau khổ cho chính phủ các nước. Sự thành bại của các kế hoạch rao bán còn tùy thuộc vào mức hỗ trợ của các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Châu Âu về Tái thiết và Phát triển. Một khi công cuộc cải cách kinh tế trong nước bị thất bại, người dân sẽ có khuynh hướng đòi TNH các tổ chức quốc doanh đang làm ăn thua lỗ. Đối với chính phủ các nước, thất bại trong kế hoạch TNH có nghĩa là tự đào thải mình: điển hình như

Hungary và Acentina. Quá trình rao bán đòi hỏi thời gian, bên bán có thể thất vọng vì mặt hàng của mình bị trả giá quá tẻ, bên mua có thể nản lòng trước những khó khăn trong việc vực dậy những cơ sở làm ăn ẻo lợt. Tuy nhiên, dù TNH là một biện pháp bất

hoàn hảo, hiện tượng này cho đến giờ vẫn được coi như một liều thuốc đắng, thật đắng mới có thể chữa được căn bệnh kinh tế ngất ngèo.

NGUYỄN NGỌC CHÍNH
(Theo TIME, tháng 4/91)

Xác suất dự báo giá dầu trong tương lai.
(Nguồn: Số liệu của Ngân hàng Thế giới)



DỰ BÁO GIÁ DẦU MỎ TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá dầu mỏ trên thị trường thế giới luôn biến động kể từ tháng 8 năm 1990, khi cuộc khủng hoảng vùng Vịnh bộc phát. Những dự báo thị trường về giá dầu mỏ đặc biệt thiếu tin cậy dù chỉ trong một thời gian ngắn. Từ khi cuộc khủng hoảng được giải quyết, những dự báo đã trở lại như trước đây với độ tin cậy càng thấp khi tương lai dự đoán càng xa. Thị trường mong đợi giá dầu 20 đô-la Mỹ một thùng vào tháng 3 và tháng 7 năm 1991 sẽ giảm xuống chút ít ở

tháng Giêng 1992 với mức giá 19,4 đô-la Mỹ một thùng. Xác suất tin cậy của giá dầu ở những thời điểm khác nhau có thể tính được bằng cách sử dụng giá cả thị trường của dầu sẽ bán trong tương lai (đồ thị 1)

Dự đoán thị trường cho thấy độ tin cậy rất thấp của một chuỗi giá dầu trong tương lai. Giá cả trong năm 1991 và 1992 được dự báo nằm trong khoảng từ 15 đô-la Mỹ đến 20 đô-la Mỹ một thùng với xác suất tin cậy 70% (đồ thị 2)

Khoảng giá dao động tùy thuộc vào tốc độ tăng trưởng có thể đạt được của các nước OECD (Organization for Economic Co-Operation and Development), tốc độ khôi phục sản xuất của Kuwait, Iraq và mối liên kết trong tổ chức OPEC. Tình trạng cung cầu hiện nay báo cho chúng ta thấy rằng, giá cả dường như đang tiến về điểm thấp hơn trong khoảng dự báo.

Dự báo đến năm 2000, do tác động của nhiều nhân tố, giá dầu sẽ biến động từ 10 đô-la Mỹ một thùng đến hơn 40 đô-la Mỹ một thùng. Khoảng dự báo như trên quá rộng, vì có sự khác biệt lớn giữa những dự báo về cung cầu và ước lượng sự co dãn của giá cả. Ngoài ra, sự thiếu thông tin về dự trữ của Liên Xô, các nước đang phát triển và kể cả nước Mỹ, càng làm khó khăn thêm công việc dự báo giá dầu trong thời gian tới.

Tuy nhiên có sự thống nhất rõ rệt về việc nhìn nhận một sự phát triển có thể đạt được trong lĩnh vực dầu mỏ. Nhưng với sự gia tăng nhu cầu dầu mỏ trên thế giới và sự giảm sút lượng cung từ các nước ngoài tổ chức OPEC nhất là Liên Xô, thế giới sẽ càng bị lệ thuộc hơn nữa vào tổ chức này do tiêu thụ dầu của họ. Ngay trọng tổ chức OPEC, một số nước như Ả Rập Saudi, Iran, Các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Iraq và Kuwait sẽ giành được địa vị thống trị. Sự tập trung khả năng cung cấp dầu về một số ít nước sẽ làm cho thị trường dầu mỏ càng dễ xấu đi. Cuộc khủng hoảng ở vùng Vịnh là một bằng chứng rõ ràng nhắc nhở chúng ta về sự mong manh đó.

LÊ BÁO LÂM

